TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHI LỘC** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2019/QĐST-DS
Ngày: 29 – 3 - 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI LỘC, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phên họp: Bà Trần Thị Hải Dương

Thư ký phiên tòa: Ông Vương Thanh Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 13/2019/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019.

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Phạm Trọng C, sinh năm 1948

Nơi cư trú: xóm 5, xã H Y N, huyện H N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1988

Nơi cư trú: xóm 12, xã Ng K, huyện N L, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự đề ngày 06 tháng 3 năm 2019 cũng như tại phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, người yêu cầu giải quyết việc dân sự là ông Phạm Trọng C và chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Ngày 06 tháng 3 năm 2019, Trung tâm hòa giải – đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã hòa giải vụ kiện tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa ông C và chị Tr. Tại biên bản hòa giải thành cùng ngày, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Trọng C tổng số tiền là 23.000.000 đồng *(hai mươi ba triệu đồng)* nợ gốc, không yêu cầu tiền lãi suất.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành thì hàng tháng chị Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về nghĩa vụ nộp lệ phí : Chị Nguyễn Thị Tr nộp toàn bộ lệ phí Tòa án.

Nay ông Phạm Trọng Cầm và chị Nguyễn Thị Tr yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo các nội dung đã thỏa thuận nêu trên

3. Ý kiến tại phiên họp của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký Tòa án, người yêu cầu đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án theo yêu cầu của ông Phạm Trọng C và chị Nguyễn Thị Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài tòa án được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Chị Nguyễn Thị Tr cư trú tại huyện Ng L, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 7 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm s khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết sơ thẩm việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung: Tại phiên họp giải quyết vuệc dân sự, ông Phạm Trọng C và chị Nguyễn Thị Tr không ai thay đổi ý kiến về nội dung đã thỏa thuận được ghi trong Biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Xét thấy: Các bên tham gia hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; là người có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải. Việc thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước và người thứ ba. Ông C và chị Tr đã gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án trong thời hạn luật định. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 417, 418 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

[3]. Về lệ phí: Ông Phạm Trọng C và chị Nguyễn Thị Tr thỏa thuận chị Tr chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự. Xét thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 149, 416, 417, 418 và Điều 419 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 13/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2019, cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Tr có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Trọng C tổng số tiền là 23.000.000 đồng *(hai mươi ba triệu đồng)*.

Kể từ ngày ông C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu không thi hành thì hàng tháng chị Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 2. Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số 0004511 ngày 06 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Chi cục THADS huyện Nghi Lộc;
- Hồ sơ việc dân sự; Lưu VPTA.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hải Dương

Mẫu số 32-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN…….[1]

Số: ……../……/QĐST-DS[2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ….. tháng …. năm ……

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN ……..

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....
Thư ký phiên họp: Ông (Bà)[3] .....
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân ..... ***tham gia phiên họp:***
Ông (Bà)…….. - Kiểm sát viên.
Ngày …..tháng….. năm….. tại[4]……. mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số …../…. /TLST-DS[5] ngày…… tháng…… năm…… theo Quyết định mở phiên họp số …./ ……/QĐST-DS ngày ……tháng ….năm…….
- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*[6].....
.....
Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[7] .....
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[8].....
.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*[9].....
.....
Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[10].....
.....
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: [11].....

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:[12]

- .....
.....
- .....
.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân…….. nhận định.[13]
[1].....
.....
[2].....

.....
Căn cứ[14].....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số …./…. /TLST-DS[15] ngày…. tháng …..năm ……., cụ thể như sau:

(16)

. - .....

.....

- .....

.....

Điều 2. Lệ phí .....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại khoản 7 Điều 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ việc dân sự.

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 32-VDS:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định.

(3) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(4) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(5) và (15) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự.

(6) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(7) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản ủy quyền ngày…. tháng…. năm…..".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, địa chỉ là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, địa chỉ ……là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày... tháng... năm...).

(8) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7).

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tóm tắt nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(13) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận đơn yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(14) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan (nếu có) để ra quyết định.

(16) Ghi nội dung thỏa thuận của các đương sự tại Biên bản hòa giải thành ngoài Tòa án.